

潛伏結核感染治療處方說明

Danh sách đơn thuốc điều trị nhiễm lao tiềm ẩn

越南文

處方 Đơn thuốc	處方藥品 Thuốc kê đơn:		總劑數與 療程頻率 Tổng số liều và tần suất điều trị:	劑量 Liều lượng		常見 副作用 Tác dụng phụ thường gặp	使用限制 Hạn chế sử dụng	都治 (DOPT) Điều trị dưới sự giám sát trực tiếp (DOPT)
				每日 最大劑量 Liều tối đa hàng ngày	兒童 Trẻ em 成人 Người lớn			
1HP ^a	複方 Hợp chất (Công thức cố định)	Isoniazid(INH)300mg ⁺ Rifapentine(PRT)300mg	28 天 (1 個月) 每日服用 28 ngày (1 tháng) uống hàng ngày	300mg	固定 1 顆 Cố định 1 viên	皮疹(蕁麻疹)為主、 (少數)肝病性 Tác dụng phụ thường gặp: Phát ban (nổi mề đay) là chính, độc tính gan	◆指標個案 INH 或 RMP 抗藥之接觸 者 Người tiếp xúc với trường hợp chỉ số có kháng INH hoặc RMP ◆<13 歲兒童 Trẻ em dưới 13 tuổi ◆孕婦 ^c Phụ nữ mang thai	必須 Bắt buộc
		Rifapentine(PRT)150mg		300mg	◆35-45kg 1 顆 35-45kg: 1 viên ◆>45g 2 顆 >45kg: 2 viên			

備註 Ghi chú

1HP 及 3HP 處方使用之 INH300 及 HP 複方為專案進口藥品，須個案簽立藥品使用同意書

Đơn thuốc 1HP và 3HP sử dụng INH 300mg và hợp chất HP là thuốc nhập khẩu theo dự án, cần yêu cầu bệnh nhân ký vào thư đồng ý sử dụng thuốc.

目前尚位有足夠之孕婦臨床安全性相關試驗數據

Hiện tại chưa có đủ dữ liệu thử nghiệm lâm sàng liên quan đến tính an toàn cho phụ nữ mang thai.

3 viên
3 เม็ด
3 tablet
共 3 顆

1HP (28天) 每日最大劑量
INH 300mg、RPT 600mg

複方

 

$\left(\begin{matrix} \text{INH} \\ 300\text{mg} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{RPT} \\ 300\text{mg} \end{matrix} \right) \rightarrow 1 \text{ 顆}$ 及 $\begin{matrix} \text{RPT} \\ 150\text{mg} \end{matrix} 2 \text{ 顆}$

共3顆